

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 107/2020/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 20/4/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 13/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Khải T; Sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Số 528/25/3 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M; Sinh năm 1982;

Ông Nguyễn Ngọc Hoàng N; Sinh năm: 1974;

Cùng nơi cư trú: Số 40/8 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Huỳnh Khải T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N là bạn bè

có mối quan hệ quen biết từng làm ăn chung. Năm 2018, vợ chồng bà M và ông N cần tiền để bổ sung thêm vốn kinh doanh nên có vay của ông T một số tiền. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 14/6/2018, bà M và ông N vay 1.000.000.000 đồng. Bà M, ông N đã nhận đủ số tiền trên và có viết giấy nhận nợ cho ông T. Lãi suất do các bên thoả thuận, bà M và ông N tự nguyện trả lãi cho ông T 2%/tháng trên số tiền vay.

- Lần 2: Ngày 23/6/2018, bà M và ông N tiếp tục vay 1.000.000.000 đồng. Bà M và ông N đã nhận đủ số tiền và có viết giấy nhận nợ cho ông T. Lãi suất do các bên thoả thuận, bà M và ông N tự nguyện trả cho ông T tiền lãi với lãi suất 2%/tháng.

- Lần 3: Ngày 23/10/2018, bà M và ông N tiếp tục vay của ông T số tiền là 3.000.000.000 đồng. Bà M và ông N đã nhận đủ số tiền vay và có viết giấy nhận nợ cho ông T. Lãi suất tự thoả thuận.

Lúc này, do số tiền ông T đã cho bà M, ông N vay tổng cộng 5.000.000.000 đồng nên để làm tin bà M và ông N đã sử dụng Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH011XX do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 28/11/2011 và đã được cập nhận biến động chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Ngọc Hoàng N và bà Nguyễn Thị Xuân M ngày 21/10/2016 theo hồ sơ số 051980 để thế chấp cho ông T. Thỏa thuận thế chấp được ghi nhận trong cùng giấy nhận nợ của số tiền ba tỷ đồng.

Như vậy, sau ba lần vay, bà M và ông N đã vay của ông T tổng cộng 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) và có thế chấp cho ông T Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở do bà M và ông N đứng tên chủ sở hữu nhà. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền trên, bà M và ông N chỉ trả cho ông T tiền lãi được mấy tháng đầu, sau đó cứ thường xuyên xin nợ tiền lãi.

Từ ngày 23/10/2018, bà M, ông N không thanh toán tiền lãi và cũng do cần tiền để bổ sung vốn kinh doanh nên ông T có yêu cầu bà M và ông N thanh toán nợ gốc cho ông T. Bà M và ông N nhiều lần hứa hẹn, lẩn tránh, không có thiện chí trả nợ. Do bà M, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 16/4/2019 ông T đã gửi Thông báo đòi nợ đến bà M và ông N để yêu cầu bà M và ông N phải hoàn trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) và tiền lãi nhưng bà M và ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, ông T làm đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân Quận 8 và xác định yêu cầu cụ thể là:

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 5.000.000.000 đồng

2. Tiền lãi phát sinh với lãi suất được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm tính từ ngày 23/10/2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Tạm tính đến ngày 23/3/2020 là: 5.000.000.000đ x 0,75%/tháng x 17 tháng: 637.500.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bà M và ông N phải thanh toán tính đến ngày 23/3/2020 là: 5.637.500.000 đồng.

Buộc vợ chồng bà M và ông N có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay một lần cho toàn bộ số nợ gốc và lãi ngay khi bản án hoặc quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Ông T trình bày chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất cơ bản của nhà nước chứ không yêu cầu lãi suất như đã thỏa thuận vì bản chất ông T cho bà M, ông N vay xuất phát từ mối quan hệ bạn bè, mong muốn tạo điều kiện cho bà M, ông N có vốn mở rộng kinh doanh chứ không phải mục đích cho vay lấy lãi. Do vậy, về tiền lãi, ông T yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm từ ngày 23/10/2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật mà bà M, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T yêu cầu Toà án buộc bà M, ông N còn phải trả lãi do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông T tự khai, ông T độc thân (Đã nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho Tòa án) nên số tiền ông T cho bà M và ông N vay là tiền của cá nhân ông T, không liên quan đến bất kỳ ai.

Do số tiền bà M, ông N còn nợ ông T hơn 05 tỷ đồng trong khi đó căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 40/8 đường D, Phường E, Quận F mà bà M, ông N thế chấp cho ông T qua định giá chỉ có giá trị hơn 03 tỷ đồng. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án và hoàn trả cho ông T số tiền buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đã nộp sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà M, ông N không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà M, ông N cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Khải T. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà M, ông N.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – ông Huỳnh Khải T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 466, 468, 469 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Khải T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Khải Tân khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận vay tiền các bên đã xác lập. Xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong văn bản nhận nợ, bà M, ông N cũng ký xác nhận địa chỉ tại 40/8 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù theo xác minh của Công an Phường 16, Quận 8 ngày

12/10/2019 ghi nhận hiện bà M, ông N không thực tế cư ngụ tại địa phương từ tháng 04/2019 nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – ông Huỳnh Khải T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Tân.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà M, ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà M, ông N.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2019 và trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền ông T cho bà M, ông N vay là tiền riêng của ông T. Tại các Giấy vay tiền và nhận nợ các ngày 14/6/2018, 23/6/2018, 23/10/2018 đã thể hiện việc giao nhận tiền chỉ được thực hiện giữa bên cho vay là ông Huỳnh Khải T cùng chữ ký xác nhận của bên vay là bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N trực tiếp giao dịch với nhau. Tình trạng hôn nhân của ông T là chưa đăng ký kết hôn với ai (Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 347/UBND-XNTTHN ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) và ông T khởi kiện yêu cầu bà M, ông N liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự xác lập thỏa thuận vay tiền lần đầu vào ngày 14/6/2018. Ông T khởi kiện ngày 29/8/2019, vì vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các văn bản thể hiện việc vay tiền và nhận nợ các ngày 14/6/2018, 23/6/2018, 23/10/2018 có chữ ký xác nhận của bà M, ông N cùng việc ông T được bà M, ông N giao chiếm giữ, quản lý Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH011XX do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày

28/11/2011 và đã được cấp nhận biến động chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Ngọc Hoàng N và bà Nguyễn Thị Xuân M ngày 21/10/2016 theo hồ sơ số 051980 để đảm bảo cho việc vay tiền đã đủ cơ sở để xác định bà M, ông N có vay của ông T nhiều lần với tổng số tiền nợ gốc là 5.000.0000.0000 đồng, với lãi suất do các bên tự thỏa thuận.

Xét giao dịch giữa ông T với bà M, ông N là Hợp đồng vay không xác định thời hạn và có lãi. Ngày 16/4/2019, ông T đã gửi Thông báo đòi nợ đến bà M và ông N để yêu cầu bà M và ông N phải hoàn trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi. Như vậy, ông T đã thực hiện nghĩa vụ báo trước cho bên vay theo quy định tại Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, bà M, ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ. Vì vậy, bà M, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà M, ông N nhưng bà M, ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận, bị đơn có vay số tiền 5.000.000.000 đồng và chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/11/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 1/2013. Mặt khác, tại giấy nhận nợ cũng thể hiện nội dung bà M và ông N là vợ chồng cùng vay tiền ông T. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu bà M và ông N cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với phần nợ lãi: Nguyên đơn trình bày từ ngày 23/10/2018, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi như đã thỏa thuận cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc và trả lãi từ ngày 23/10/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm với lãi suất 9%/năm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì về lãi, khoản vay của bà M, ông N thuộc trường hợp có lãi suất cao nhất không quá 10%/năm.

Từ các nhận định nêu trên cho thấy việc ông T yêu cầu bà M, ông N trả lãi với lãi suất 9%/năm (Tương đương 0,75%/tháng) đối với khoản vay nợ của bà M, ông N là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với việc tính lãi từ ngày 23/10/2018 đến ngày 20/4/2020 là 17 tháng 28 ngày có cơ sở cụ thể như sau:

- Tiền lãi của 17 tháng là: $5.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 637.500.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi của 28 ngày là: $5.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 35.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi: $637.500.000 \text{ đồng} + 35.000.000 \text{ đồng} = 672.500.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng cả hai khoản gốc và lãi: $5.000.000.000 \text{ đồng} + 672.500.000 \text{ đồng} = 5.672.500.000 \text{ đồng}$.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án và hoàn trả số tiền buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đã nộp sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn cả nợ gốc và nợ lãi là 5.672.500.000 đồng. Trong khi đó, đối tượng bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8 là Nhà và đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 80, địa chỉ số 40/8 đường D, Phường E, Quận F theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH011XX do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 28/11/2011 và đã được cập nhật biến động chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Ngọc Hoàng N và bà Nguyễn Thị Xuân M ngày 21/10/2016 theo hồ sơ số 051980 được thẩm định giá

có giá trị 3.282.861.000 đồng (Theo chứng thư thẩm định giá số 1540919/CT-TV ngày 25/9/2019 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư Kinh doanh Bất động sản G) có giá trị thấp hơn nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó, việc tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của nguyên đơn là cần thiết để bảo đảm cho việc thi hành án. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi thi hành xong bản án và hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 16/2019/QĐ-BPBD ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để hoàn trả cho ông Huỳnh Khải T toàn bộ số tiền đã nộp để bảo đảm.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà M, ông N phải chịu là: 112.000.000 đồng + $((5.672.500.000 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0.1\%) = 113.672.500\text{đ}$ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng);

- Nguyên đơn – ông Huỳnh Khải T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 111, Khoản 1 Điều 112, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Nguyễn Ngọc Hoàng N thanh toán cho ông Huỳnh Khải T số tiền còn nợ là 5.672.500.000đ (Năm tỉ sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là: 5.000.000.000đ (Năm tỉ đồng) và nợ lãi là: 672.500.000đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi thi hành xong bản án.

1.3. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 16/2019/QĐ-BPBD ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Khải T được nhận lại toàn bộ số tiền có trong tài khoản tiền gửi thanh toán mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 8 (Agribank Chi nhánh 8) vào ngày 10/10/2019 với số tài khoản: 1702205309XXX ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Xuân M, ông Nguyễn Ngọc Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.672.500đ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ông Huỳnh Khải T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.688.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu

trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012294 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính